

AI DRAFT · Điểm nhấn chính

Macro Brief – Kinh tế Việt Nam tháng 9/2026

Báo cáo này là bản tóm tắt Cập nhật vĩ mô tháng ở dạng ngắn gọn hơn và trực quan hóa quanh bốn chủ đề chính – tăng trưởng và công nghiệp, lạm phát, thương mại và đầu tư, cùng thị trường tiền tệ. Mỗi phần đều được mở đầu bằng những con số đáng chú ý, tiếp đến là các biểu đồ đứng sau, và khép lại bằng một đoạn diễn giải ngắn.

01

Tăng trưởng · Công nghiệp

02

Lạm phát

03

Thương mại · Đầu tư

04

Tiền tệ · Tỷ giá

Miễn trừ trách nhiệm · Phần này của báo cáo ("Điểm nhấn chính · Trực quan hóa") do Claude AI tái cấu trúc và trực quan hóa từ báo cáo kinh tế vĩ mô gốc do Trung tâm Nghiên cứu Chứng khoán Shinhan Việt Nam biên soạn (nguồn chính thức). Phần này chỉ truyền tải các dữ kiện và số liệu đã nêu trong bản gốc, không chứa xếp hạng đầu tư, giá mục tiêu hay khuyến nghị, và không được dùng làm cơ sở cho bất kỳ quyết định đầu tư nào.

01

Tăng trưởng kinh tế & Sản xuất công nghiệp



GDP quý III/2026 tăng 9.95% YoY, tăng từ 8.81% ở quý II và 8.15% ở quý I, đưa tăng trưởng 9 tháng lên 9.01%. Công nghiệp và xây dựng tạo ra 49.62% phần giá trị tăng thêm của 9 tháng.

+9.95%

GDP 3Q26, YoY

9 tháng 9.01%; 2Q26 8.81%, 1Q26 8.15%

+12.33%

IIP 9 tháng, YoY

Cao hơn mọi mức 9 tháng khác từ 2022 đến 2025; riêng tháng 9 đạt 16.65%

51.9

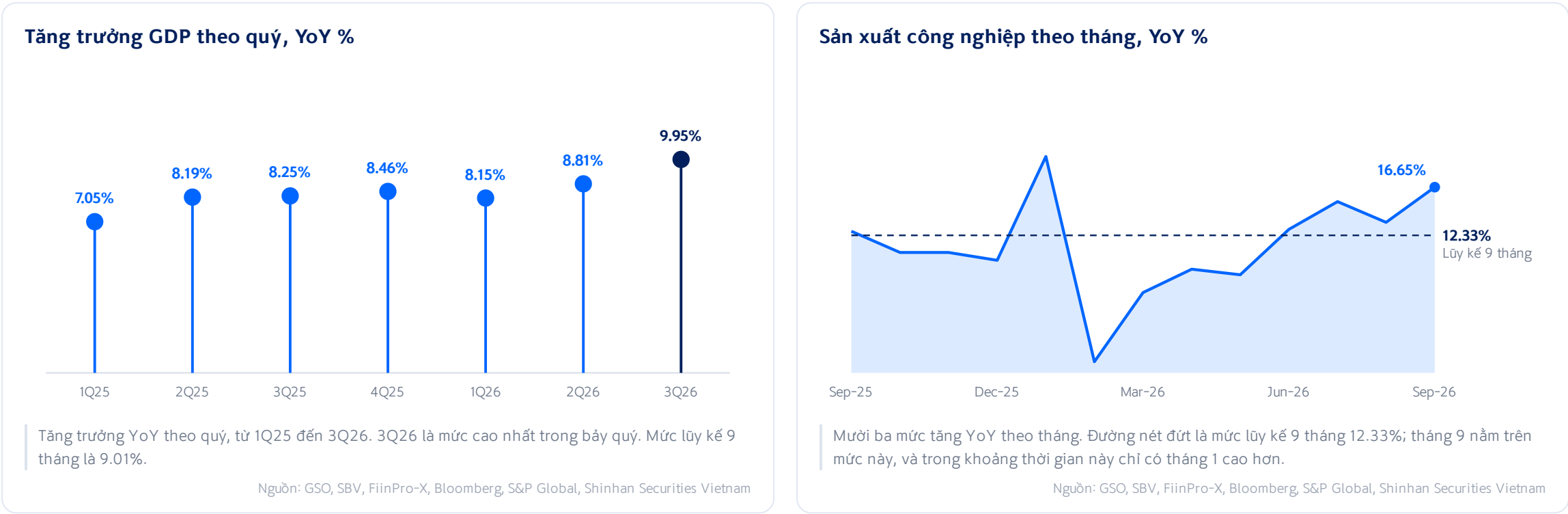
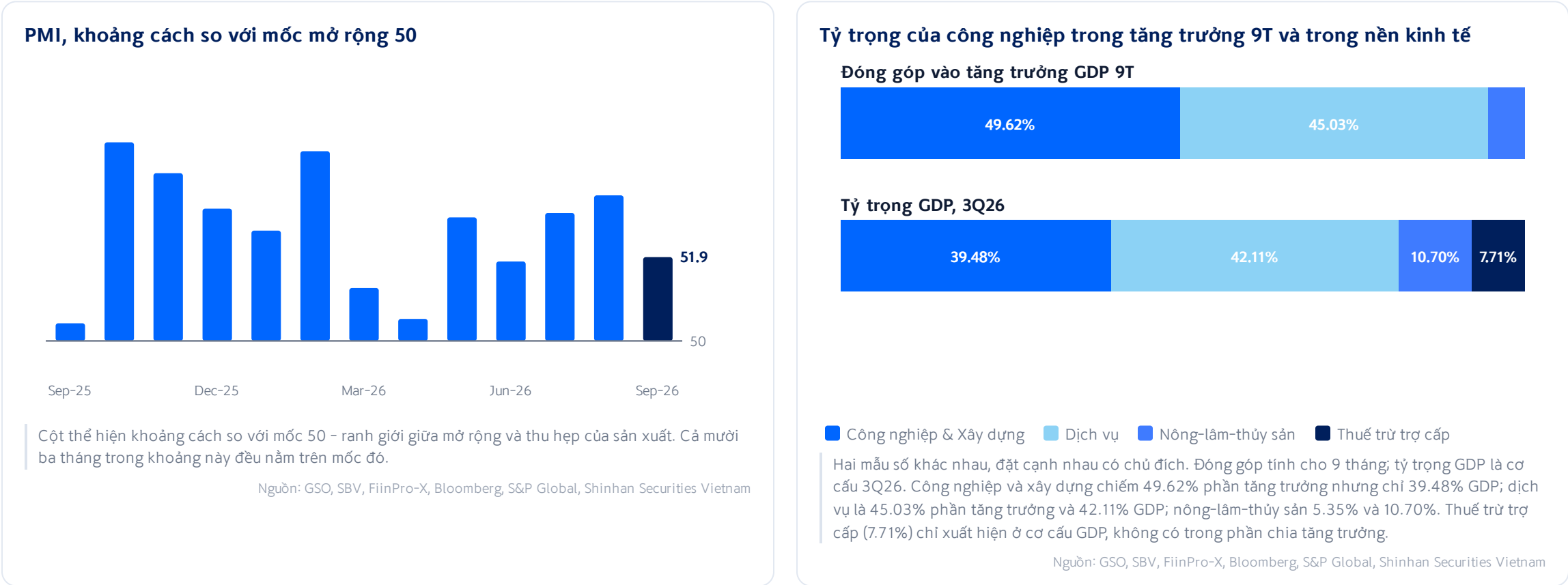
PMI tháng 9

Tháng thứ mười lăm liên tiếp trên 50, hạ từ 53.3 của tháng 8

49.62%

Đóng góp của công nghiệp, 9T

Dịch vụ 45.03%, nông-lâm-thủy sản 5.35%



Xu hướng và biến động 12 tháng				
Chỉ tiêu	Diễn biến	Mới nhất	So kỳ trước	So cùng kỳ năm trước
Tăng trưởng GDP - theo quý		9.95%	+1.14pp	+1.70pp
Sản xuất công nghiệp (YoY)		16.65%	+3.15pp	+3.95pp
PMI		51.9	-1.4	+1.5
Tăng trưởng công nghiệp & xây dựng - theo quý		12.50%	+1.17pp	+3.11pp

Điều này cho thấy Tăng trưởng tăng tốc dần trong năm 2026: 8.15% ở quý I, 8.81% ở quý II và 9.95% ở quý III, mức nhanh nhất trong bảy quý kể từ đầu năm 2025. Cả bốn khu vực đều tăng nhanh hơn trong quý III so với quý II, dẫn đầu là công nghiệp và xây dựng với 12.50%. Sản lượng công nghiệp tháng 9 tăng 16.65% YoY và 3.26% so với tháng trước; mức tăng 9 tháng 12.33% cao hơn mọi mức 9 tháng khác từ 2022 đến 2025. PMI, chỉ số khảo sát các nhà quản trị mua hàng mà mốc trên 50 hàm ý sản xuất đang mở rộng, duy trì trên 50 tháng thứ mười lăm nhưng giảm xuống 51.9 từ 53.3. Công nghiệp và xây dựng tạo ra 49.62% giá trị tăng thêm 9 tháng, so với 45.03% của dịch vụ. Cần phân biệt điều này với quy mô ngành: dịch vụ là khu vực lớn hơn, chiếm 42.11% GDP, nhưng đóng góp vào tăng trưởng lại ít hơn.

Cần theo dõi Trong cấu phần của PMI, đơn hàng xuất khẩu mới giảm tháng thứ hai liên tiếp trong tháng 9, với tốc độ mạnh nhất kể từ tháng 4, và việc làm cũng giảm tháng thứ hai liên tiếp. Ngoài ra, tăng trưởng GDP 9 tháng 9.01% so với mục tiêu quốc gia năm 2026 là trên 10% – đây là mục tiêu chính thức, không phải dự báo.

CPI chung tháng 9 tăng 0.62% MoM và 5.08% YoY, cao hơn mức 4.89% của tháng 8. Nhiên liệu là động lực của mức tăng trong tháng: nhóm giao thông vận tải tăng 3.97%.

+5.08%

CPI chung, YoY

Tăng từ 4.89% của tháng 8; MoM +0.62%;
biên quân 9 tháng 4.52%

+4.44%

Hàng ăn & dịch vụ ăn uống, YoY

Đóng góp lớn nhất của một nhóm vào CPI
chung, 1.59pp; ăn uống ngoài gia đình
+7.40%

+6.47%

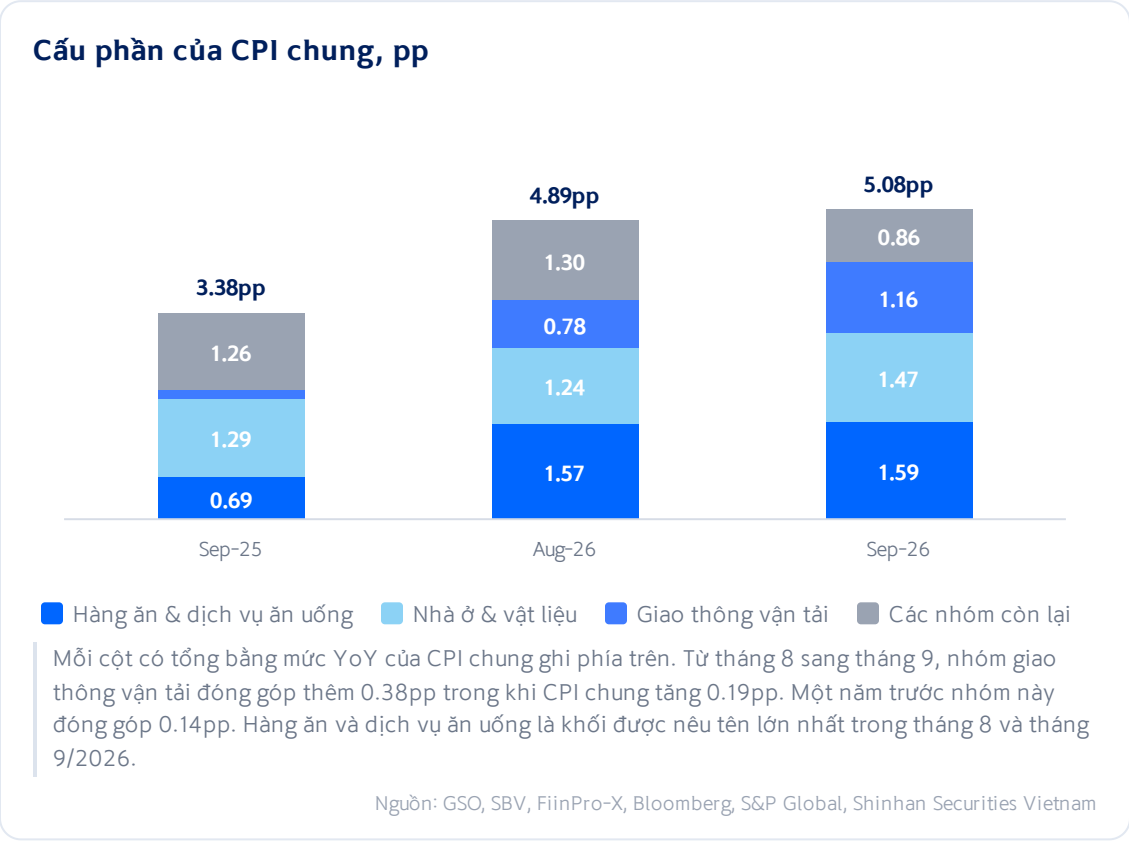
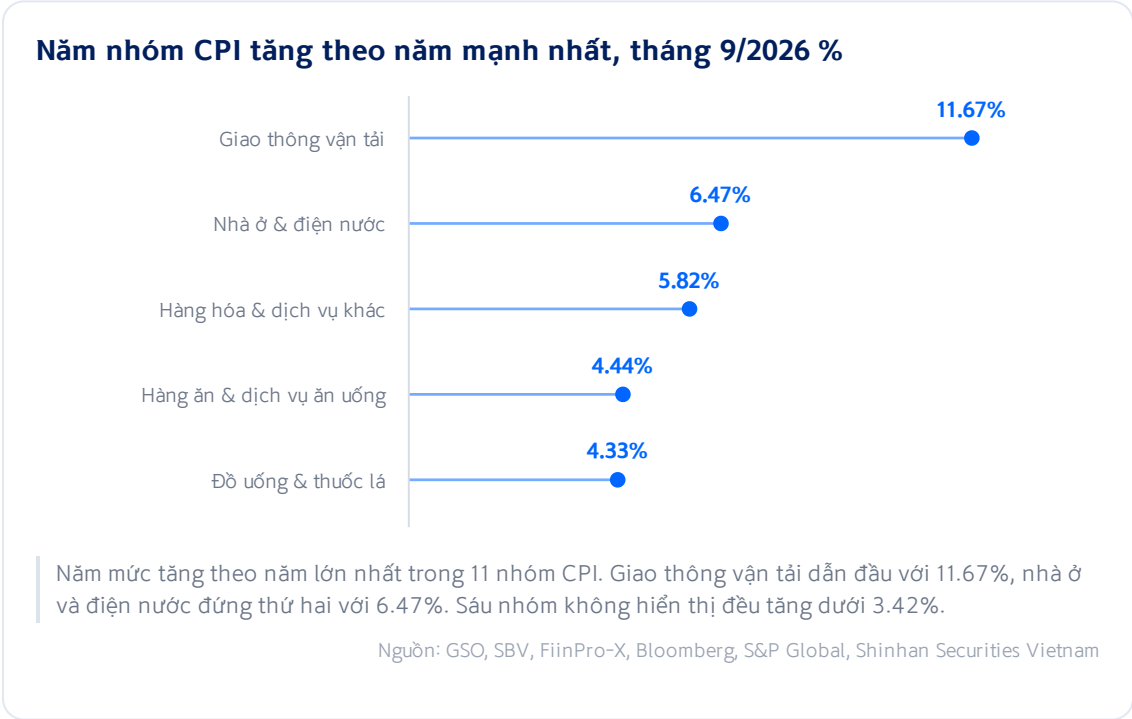
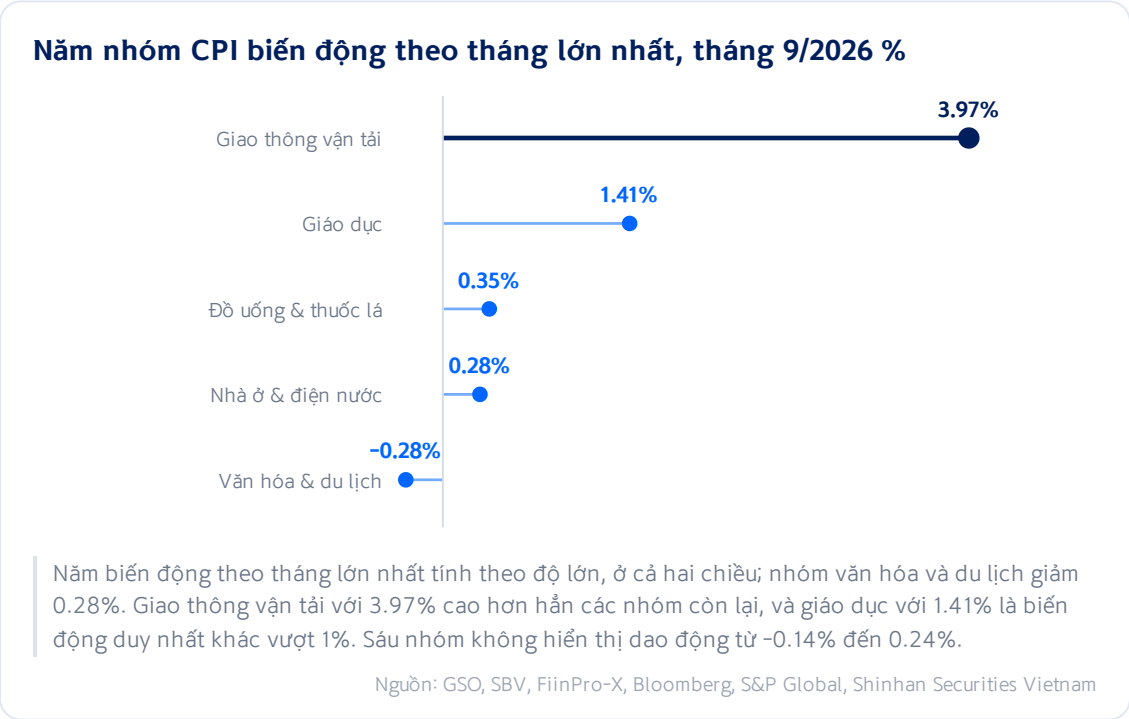
Nhà ở & điện nước, YoY

Nhóm tăng mạnh thứ hai; đóng góp
1.47pp; dầu hỏa +42.31%, gas +35.02%

+11.67%

Giao thông vận tải, YoY

Nhóm tăng mạnh nhất; +3.97% MoM khi
giá xăng tăng 9.39%; đóng góp lên 1.16pp



Xu hướng và biến động 12 tháng				
Chỉ tiêu	Diễn biến	Mới nhất	So kỳ trước	So cùng kỳ năm trước
CPI chung (MoM)		0.62%	+0.15pp	+0.20pp
CPI chung (YoY)		5.08%	+0.19pp	+1.70pp

Điều này cho thấy Nhiên liệu là động lực của mức tăng tháng 9. Giá xăng tăng 9.39% và dầu diesel tăng 4.53% trong tháng, đẩy nhóm giao thông vận tải lên 3.97% và đóng góp 0.40pp vào mức tăng 0.62% theo tháng của CPI chung. Xét theo năm, nhóm giao thông đóng góp 1.16pp vào CPI chung, tăng từ 0.78pp của tháng 8. Mức tăng 0.38pp đó lớn hơn toàn bộ mức tăng 0.19pp của CPI chung, nghĩa là các nhóm còn lại cộng lại đã kéo CPI chung xuống. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống là khối lớn nhất với 1.59pp, còn nhà ở và điện nước, với 6.47% YoY do dầu hỏa và gas, là nhóm tăng mạnh thứ hai. Giáo dục tăng 1.41% trong tháng do các trường tư thục tăng học phí năm học 2026-27, đóng góp 0.08pp. CPI lõi, loại trừ năng lượng và thực phẩm biến động mạnh, ở mức 4.45%, thấp hơn CPI chung 0.63pp. CPI bình quân 9 tháng 4.52% so với 3.27% cùng kỳ năm trước và mục tiêu của Chính phủ khoảng 4.5%.

Lưu ý Giá dầu thế giới có thời điểm vượt USD 100/bbl trong tháng 9, đóng cửa tháng dưới mức đó và vẫn duy trì trên mức đó trong tháng 10. Số liệu CPI tháng 9 chưa bao gồm giá nhiên liệu của tháng 10.

Cán cân thương mại tháng 9 chuyển sang thặng dư USD 1.27bn, lần đầu tiên sau chín tháng thâm hụt liên tiếp, dù cán cân 9 tháng vẫn thâm hụt USD 19.42bn. Bán lẻ tăng 13.4% trong 9 tháng, còn FDI và đầu tư công đều vượt mức 9 tháng năm 2025.

+USD 1.27bn

Cán cân thương mại, tháng 9

Lần đầu thặng dư sau chín tháng thâm hụt; xuất khẩu USD 59.48bn, nhập khẩu USD 58.21bn

+13.4%

Bán lẻ 9 tháng, YoY

VND 5,925.7tn trong 9 tháng; riêng tháng 9 đạt 14.12%

USD 50.36bn

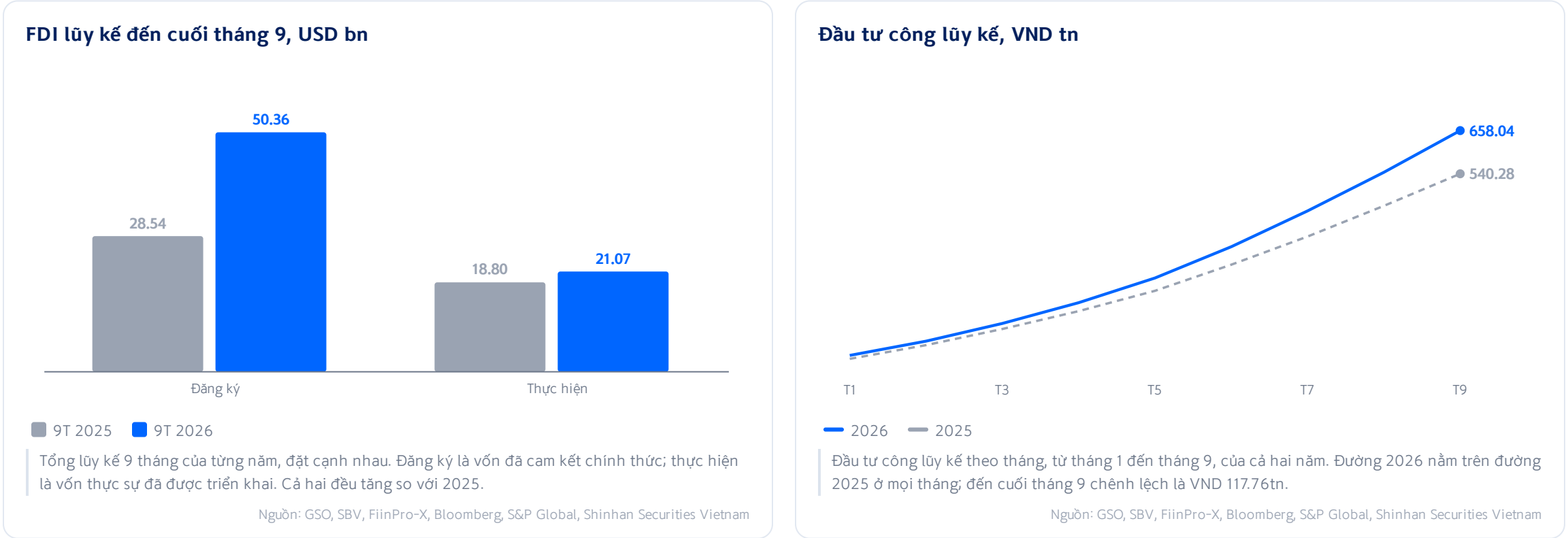
FDI đăng ký, 9 tháng

+76.4% YoY; giải ngân USD 21.07bn, +12.1%

VND 658.04tn

Đầu tư công, 9 tháng

VND 540.28tn trong 9 tháng 2025; riêng tháng 9 đạt VND 113.91tn, +30.1% YoY



Xu hướng và biến động 12 tháng				
Chỉ tiêu	Diễn biến	Mới nhất	So kỳ trước	So cùng kỳ năm trước
Xuất khẩu (USD bn)		59.48	+4.70	+16.60
Nhập khẩu (USD bn)		58.21	+3.09	+18.30
Cán cân thương mại (USD bn)		1.27	+1.61	-1.70
Bán lẻ (YoY)		14.12%	-0.83pp	+2.82pp

Điều này cho thấy Thặng dư tháng 9 đến từ xuất khẩu USD 59.48bn so với nhập khẩu USD 58.21bn; xuất khẩu máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng hơn gấp đôi trong tháng, đạt USD 22.56bn. Cán cân 9 tháng vẫn thâm hụt USD 19.42bn, so với thặng dư USD 16.87bn cùng kỳ năm trước, do nhập khẩu tăng 36.7% và xuất khẩu tăng 24.5% trong 9 tháng. Khu vực trong nước thâm hụt USD 34.28bn, còn khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, tính cả đầu thô, thặng dư USD 14.86bn. Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng đạt VND 5,925.7tn, tăng 13.4%, hay 7.8% sau khi loại trừ yếu tố giá. FDI đăng ký - vốn đã cam kết chính thức nhưng chưa chi - đạt USD 50.36bn, so với USD 28.54bn cùng kỳ năm trước, trong khi FDI thực hiện, tức vốn thực sự đã giải ngân, đạt USD 21.07bn. Đầu tư công đạt VND 658.04tn, so với VND 540.28tn cùng kỳ năm trước.

Tiền đồng tăng giá 1.27% so với USD từ đầu năm, đứng thứ ba trong sáu đồng tiền khu vực. Tín dụng tăng 11.59%, chậm hơn mức 13.86% cùng kỳ 2025, và lãi suất qua đêm liên ngân hàng tăng vọt vào ngày cuối quý.

+1.27%

VND so với USD, 2026 YTD

KRW +5.76%, CNY +4.04%, THB -6.51%, JPY -0.45% trong cùng kỳ

6.95%

Lãi suất qua đêm, 30/9

Từ 1.19% cuối tháng 8; 0.56% ngày 29/9

+11.59%

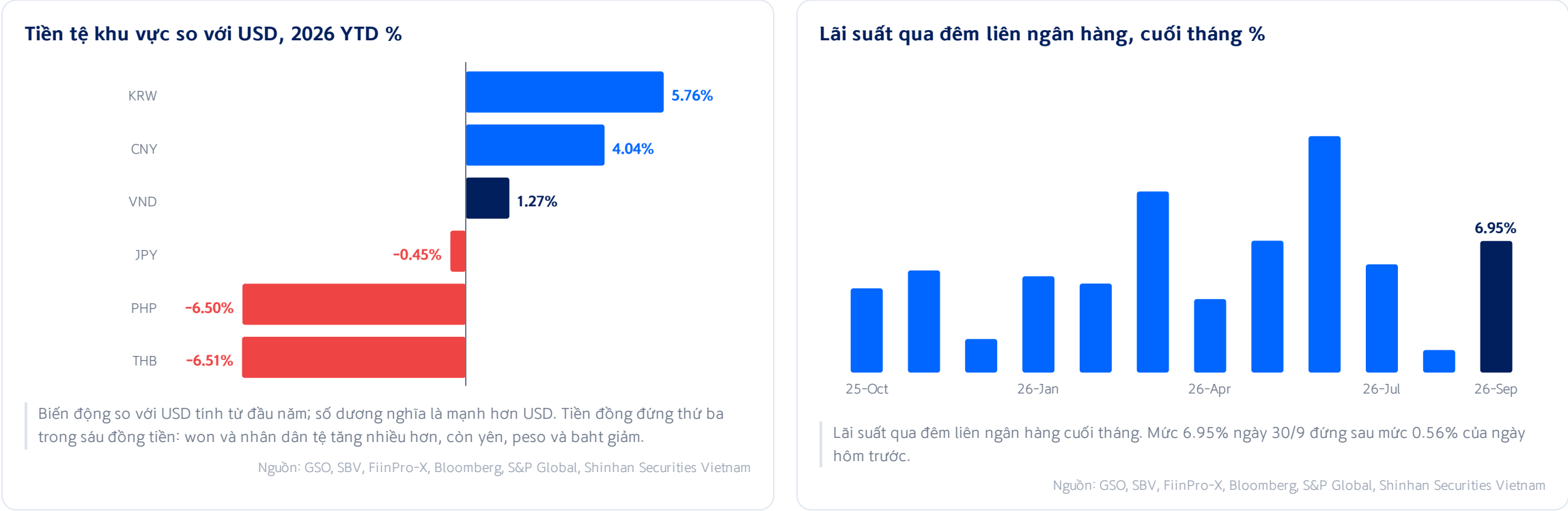
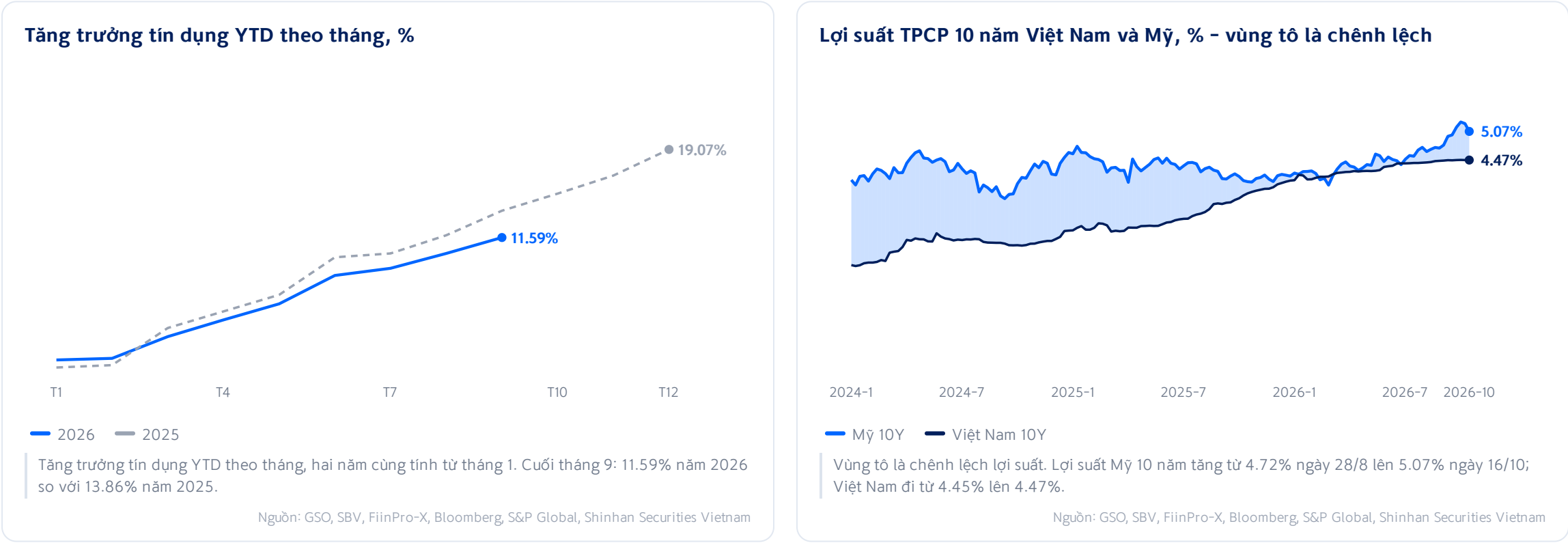
Tăng trưởng tín dụng, YTD

13.86% cùng kỳ 2025, chậm hơn 2.27pp

4.47%

Lợi suất TPCP 10 năm Việt Nam

Mỹ 10Y 5.07% ngày 16/10; lợi suất Việt Nam thấp hơn 0.60pp



Xu hướng và biến động 12 tháng				
Chỉ tiêu	Diễn biến	Mới nhất	So kỳ trước	So cùng kỳ năm trước
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng		6.95%	+5.76pp	+2.57pp
Lợi suất TPCP 10 năm		4.47%	+0.02pp	+0.85pp
Lãi suất huy động bình quân, SOCB		5.90%	0.00pp	+1.22pp
Tỷ giá VND/USD		25,890	+30	-600

Điều này cho thấy Tiền đồng tăng 1.27% so với USD từ đầu năm. Won Hàn Quốc (+5.76%) và nhân dân tệ (+4.04%) tăng nhiều hơn, trong khi yên Nhật (-0.45%), peso Philippines (-6.50%) và baht Thái (-6.51%) giảm giá. Đồng nội tệ mạnh hơn làm giảm giá bằng đồng của hàng nhập khẩu định giá bằng USD. Chỉ số USD (DXY) bình quân tháng 9 ở mức 99.5, thấp hơn tháng 8 0.16 điểm, và đạt 101.8 vào ngày 16/10. Lãi suất qua đêm liên ngân hàng đóng cửa tháng 9 ở 6.95%, so với 1.19% cuối tháng 8, sau mức 0.56% ngày 29/9; mức cuối tháng cao hơn nhiều so với mức bình quân của cả tháng. SBV đã rút ròng VND 86,781bn qua nghiệp vụ thị trường mở trong tháng 9, đưa dư bơm ròng từ VND 142,701bn xuống VND 55,919bn. Tín dụng tăng 11.59% từ đầu năm và tiền gửi tăng 9.78%. Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm tăng từ 4.72% ngày 28/8 lên 5.07% ngày 16/10, trong khi lợi suất Việt Nam đi từ 4.45% lên 4.47%, khiến lợi suất Việt Nam thấp hơn 0.60pp. Lãi suất huy động bình quân tại các SOCB giữ nguyên ở 5.90% tháng thứ bảy liên tiếp.

Cần theo dõi Tín dụng tăng 11.59% từ đầu năm, so với 13.86% cùng kỳ 2025 - mở rộng chậm hơn trong khi GDP tăng tốc lên 9.95% ở quý III (phần 01).

SHINHAN SECURITIES VIETNAM

Miễn trừ trách nhiệm · Phần này của báo cáo ("Điểm nhấn chính · Trực quan hóa") do Claude AI tái cấu trúc và trực quan hóa từ báo cáo kinh tế vĩ mô gốc do Trung tâm Nghiên cứu Chứng khoán Shinhan Việt Nam biên soạn (nguồn chính thức). Phần này chỉ truyền tải các dữ kiện và số liệu đã nêu trong bản gốc, không chứa xếp hạng đầu tư, giá mục tiêu hay khuyến nghị, và không được dùng làm cơ sở cho bất kỳ quyết định đầu tư nào.

Thuật ngữ dùng trong phần này

YoY	Year on year - so với cùng kỳ năm trước
MoM	Month on month - so với tháng liền trước
YTD	Year to date - lũy kế từ đầu năm
pp	Percentage point - chênh lệch tuyệt đối giữa hai tỷ lệ phần trăm
PMI	Purchasing Managers Index - chỉ số khảo sát tháng; trên 50 hàm ý sản xuất mở rộng
IIP	Index of Industrial Production - chỉ số sản lượng công nghiệp, khai khoáng và tiện ích
CPI	Consumer Price Index. CPI lõi loại trừ nhóm năng lượng và thực phẩm biến động mạnh
Đóng góp	Phần mà một cấu phần chiếm trong mức tăng chung, tính bằng điểm phần trăm
FDI	Foreign direct investment. Đăng ký = vốn đã cam kết; thực hiện = vốn đã giải ngân
SOCB	State-owned commercial bank - ngân hàng thương mại nhà nước
DXY	Chỉ số USD, đo so với một rổ các đồng tiền chủ chốt
SBV	State Bank of Vietnam - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
OMO	Open market operations - nghiệp vụ thị trường mở của ngân hàng trung ương để điều tiết thanh khoản
bn / tn	Tỷ / nghìn tỷ

Nguồn · GSO, SBV, FiinPro-X, Bloomberg, S&P Global, Shinhan Securities Vietnam

Báo cáo gốc do Trung tâm Nghiên cứu Chứng khoán Shinhan Việt Nam biên soạn · Nien Nguyen - Associate Manager

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, không phải khuyến nghị đầu tư. Quyết định đầu tư cuối cùng và trách nhiệm thuộc về nhà đầu tư.

© 2026 Chứng khoán Shinhan Việt Nam. Bảo lưu mọi quyền.